

Số: 98 /QĐ-UBND

Hoàng Diệu, ngày 27 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu quyết toán ngân sách xã Hoàng Diệu năm 2022
Trước kỳ họp thứ 6 HĐND xã khóa XX**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀNG DIỆU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND xã Hoàng Diệu về việc phê chuẩn dự toán ngân sách xã Hoàng Diệu năm 2022;

Theo đề nghị của công chức Tài chính - Kế toán xã Hoàng Diệu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu Quyết toán ngân sách xã Hoàng Diệu năm 2022 trước kỳ họp thứ 6 HĐND xã khóa XX (Có phụ lục kèm theo).

Điều 2: Hình thức công khai: Số liệu quyết toán ngân sách xã Hoàng Diệu năm 2022 được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã Hoàng Diệu; Công khai trên trang thông tin điện tử xã Hoàng Diệu: Hoangdieu.gialoc.haiduong.gov.vn; Đài truyền thanh xã; và báo cáo bằng văn bản tới các cấp có thẩm quyền.

Điều 3: Văn phòng HĐND- UBND, Tài chính - Kế toán xã và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính - KH Huyện;
- Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực HĐND;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Du

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	15.290.756	Tổng số chi	15.290.756
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	307.724	I. Chi đầu tư phát triển	7.251.183
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	4.257.044	II. Chi thường xuyên	7.172.897
III. Thu bổ sung	10.311.440	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	866.676
- Bổ sung cân đối	3.141.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	7.170.440		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	414.548		
Kết dư ngân sách			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	14.454.956	14.454.956	15.290.756	15.290.756	105,78	105,78
I	Các khoản thu 100%	178.642	178.642	307.724	307.724	172,26	172,26
1	Phí, lệ phí	18.000	18.000	18.163	18.163	100,91	100,91
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	115.642	115.642	153.294	153.294	132,56	132,56
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			85.135	85.135		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	45.000	45.000	51.132	51.132	113,63	113,63
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	3.903.194	3.903.194	4.257.044	4.257.044	109,07	109,07
1	Các khoản thu phân chia	308.000	308.000	233.228	233.228	75,72	75,72
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	57.000	57.000	85.457	85.457	149,93	149,93
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						

1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	21.000	21.000	21.600	21.600	102,86	102,86
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	230.000	230.000	126.171	126.171	54,86	54,86
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	3.595.194	3.595.194	4.023.815	4.023.815	111,92	111,92
2.1	Thu tiền sử dụng đất	3.451.194	3.451.194	3.451.194	3.451.194	100,00	100,00
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	96.000	96.000	300.152	300.152	312,66	312,66
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	48.000	48.000	272.469	272.469	567,64	567,64
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	61.680	61.680	414.548	414.548	672,10	672,10
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10.311.440	10.311.440	10.311.440	10.311.440	100,00	100,00
1	Thu bổ sung cân đối	3.141.000	3.141.000	3.141.000	3.141.000	100,00	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	7.170.440	7.170.440	7.170.440	7.170.440	100,00	100,00

UBND Xã: Hoàng Diệu

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	14.454.956	7.251.194	7.203.762	15.290.756	7.251.183	8.039.573	105,78	100,00	111,60
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	497.328	477.972	19.356	497.318	477.962	19.356	100,00	100,00	100,00
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	147.703	128.403	19.300	147.703	128.403	19.300	100,00	100,00	100,00
4	Chi văn hóa, thông tin	31.453		31.453	31.453		31.453	100,00		100,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	65.463		65.463	65.463		65.463	100,00		100,00
6	Chi thể dục, thể thao	51.453		51.453	71.453		71.453	138,87		138,87
7	Chi bảo vệ môi trường	31.500		31.500	31.500		31.500	100,00		100,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	5.748.268	5.460.791	287.477	5.748.268	5.460.791	287.477	100,00	100,00	100,00

9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.852.918	1.184.028	5.668.890	6.163.515	1.184.027	4.979.488	89,94	100,00	87,84
10	Chi cho công tác xã hội	1.028.870		1.028.870	1.028.870		1.028.870	100,00		100,00
11	Chi khác				638.537		638.537			
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				866.676		866.676			